TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 758/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Ông Trương Thành L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 11/02, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông L vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào cuối năm 2012, bà và ông Trương Thành L tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên ông bà tổ chức lễ cưới tháng 10 năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 16/02/2016. Hôn nhân lần thứ nhất của bà và ông L. Sau khi kết hôn, ông bà về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của ông L tọa lạc số 11/02, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh A. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm, đến ngày 12/01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L có phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường hay cự cãi, gây gổ và không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông L đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thành L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Trương Thành L đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L vắng mặt không lý do; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/01/2019 lý do bận đi làm xa.

- Bị đơn ông Trương Thành L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H và ông Trương Thành L theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Thành L. Ông Trương Thành L có hộ khẩu thường trú tại thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Ngọc H có đơn đề ngày 14/01/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bà phải đi làm xa.

Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trương Thành L, ông L đã trực tiếp ký nhận các văn bản của Tòa án theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đồng thời, Tòa án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Trương Thành L và được Công an phường M, thành phố L cung cấp thông tin: Đương sự Trương Thành L, sinh năm 1990 đăng ký hộ khẩu thường trú số 11/2, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh A. Hiện còn làm ăn và sinh sống tại địa phương.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Trương Thành L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 16/02/2016 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ bà H đưa ra để yêu cầu ly hôn là do ông L có phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường hay cự cãi, gây gỗ và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù những mâu thuẫn trên đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng bà xác định đời sống chung giữa bà và ông L không hạnh phúc, tình cảm của vợ chồng dành cho nhau không còn. Bà và ông L đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông L.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Thành L đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đồng thời, ông L cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông L không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm gia đình với bà H, phù hợp với lời trình bày của bà H trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Thấy rằng, thực tế cuộc hôn nhân giữa bà H và ông L đã không còn tồn tại. Ông bà không còn sống chung và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Đồng thời, ông bà cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn ông L.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Thành L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H và bị đơn ông Trương Thành L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H. Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn ông Trương Thành L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình; nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010601, ngày 26/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Trương Thành L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Ông Trương Thành L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự *"Để thi hành"*;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND. TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu